TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 4 - 2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Tiển.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thu Hương;

Ông Bế Văn Sự.

Thư ký phiên toà: Ông Triệu Tuấn Bình - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 108/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bế Thị U, sinh năm 1990, (vắng mặt) đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ : Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1994, (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị U bày: Chị và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có sự cưới hỏi, chứng kiến của hai bên gia đình theo phong tục truyền thống. Ngày 02/02/2021 cả hai anh chị được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Lạng

Sơn. Trong thời gian đầu sinh sống vợ chồng hạnh phúc, trong quá trình chung sống anh T không chăm lo cho gia đình, vợ con. Mặc dù chị U cố gắng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi nên chị U đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống sau đó đi công ty. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn yêu thương chăm sóc ai, chị U tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để chị có cơ hội xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau có một con chung, cháu Nông Quang K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020, hiện nay cháu đang ở với anh T ông bà bên nội. Khi ly hôn chị U không yêu cầu nuôi con chung, để con chung cho anh T là người được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi con đến tuổi trưởng thành. Chị U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Bế Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nông Văn T. Quá trình giải quyết vụ án anh T dù biết việc vợ yêu cầu xin ly hôn nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải và đã làm đầy đủ các thủ tục giải quyết vắng mặt của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 8; Điều; Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Vê quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bế Thị U được ly hôn anh Nông Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nông Quang K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020 cho anh T chăm sóc và nuôi dưỡng, chị U cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng.

Tài sản chung: Không xem xét giải quyết:

Về án phí: Chị U phải chịu án phí theo quy định.

Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bế Thị U và anh Nông Văn T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện T. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn chị Bế Thị U và bị đơn anh Nông Văn T theo thủ tục chung.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp "Hôn nhân và gia đình", do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Bế Thị U và anh Nông Văn T tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn ngày 02/02/2021. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Quá trình giải quyết vụ án chị U xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay chửi mắng vợ con thậm chí còn dọa đánh đập chị U, chị U khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi dẫn đến sống bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị U đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống sau đó đi công ty, xét thấy đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Nay chị Bế Thị U đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, và chị U có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh ông Nông Văn T1, là bố đẻ của anh Nông Văn T cho biết hiện nay Nông Văn T và cháu Nông Quang K hiện nay vẫn đang sinh sống cùng gia đình, việc Tòa án gửi các văn bản thông báo thụ lý vụ án giấy triệu tập anh T đều biết, về tình trạng hôn nhân thì sau khi cưới vợ chồng anh T chị U đi công ty sau đó anh T bỏ về nhà còn chị U hiện đi làm công ty, còn làm công ty nào thì gia đình không biết, còn đối với cháu Nông Quang K hiện đang sinh sống và học hành với gia đình bên nội, tôi có nguyện vọng khi chị U và anh T ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cháu Nông Quang K vì tôi thấy chị U hiện tại không có nơi ở và công việc ổn định, không đủ điều kiện nuôi con, đây

cũng là nguyện vọng chị U; Bà Mùng Thị H là trưởng thôn Khánh Hòa, xã Q cho biết: Hiện anh Nông Văn T hiện nay đang sinh sống cùng bố mẹ, còn anh T hiện nay đi đâu không rõ. Về tình cảm vợ chồng chị U và anh T thì bà H không nắm được.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị U, xử cho chị Bế Thị U được ly hôn anh Nông Văn T.

[8] Về con chung: Quá trình chung sống chị Bế Thị U và anh Nông Văn T có một con chung là Nông Quang K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020, hiện đang ở với anh T, khi ly hôn chị Bế Thị U không có nguyện vọng nuôi con chung, để con chung cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị U tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị U và ông Nông Văn T1 là bố đẻ của anh T là hoàn toàn phù hợp vì hiện nay chị và anh T đã sống ly thân, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về tài sản chung, riêng: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về nợ chung, riêng: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do chị Bế Thị U là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân và án phí trợ cấp nuôi con chung sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, khoản 1 Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đìnhkhoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; 228; 271; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị U .

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bế Thị U được ly hôn với anh Nông Văn T.

3. Về con chung: Giao cháu Nông Quang K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2020 (hiện cháu K đang ở với anh T) cho anh Nông Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi, anh chị Uyên phải cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 (năm trăm nghìn) đồng. Chị U có quyền được đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi án có hiệu lực anh T có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Bế Thị U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001777 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn và chịu án phí trợ cấp nuôi con chung 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bế Thị U, bị đơn anh Nông Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lạng Sơn,
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn,
- VKSND huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định.
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- UBND xã Quốc Khánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Tiển